

Số: 828 /TNMT-MT

Quận 10, ngày 21 tháng 8 năm 2020

V/v tuyên truyền pháp luật bảo vệ
môi trường và tài nguyên nước đối với cơ sở
sản xuất, kinh doanh, dịch vụ
trên địa bàn Quận 10.

Kính gửi:

- Văn phòng HĐND và UBND Quận 10;
- Các phòng ban chuyên môn Quận 10;
- Chi cục thuế Quận 10;
- Công an Quận 10;
- Ủy ban nhân dân 15 phường.

Căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Thực hiện Kế hoạch số 958/KH-UBND ngày 17/3/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 10 về triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2020 trên địa bàn Quận 10.

Nhằm đảm bảo thông tin pháp luật về bảo vệ môi trường được triển khai có hiệu quả đến từng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn Quận 10, tuyên truyền, vận động cơ sở thực hiện các hoạt động về bảo vệ môi trường, giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, Phòng Tài nguyên và Môi trường rà soát, tổng hợp các nội dung chính, cơ bản các quy định về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước như (đính kèm danh sách các quy định pháp luật cơ bản cần biết và tài liệu tuyên truyền):

- Hướng dẫn các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước cần biết và thực hiện trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và tài nguyên nước.

Theo đó, Phòng đề nghị các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân 15 phường trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn hỗ trợ Phòng Tài nguyên và Môi trường thông tin các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đến cơ sở được biết theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Quận 10 tại văn bản số 2296/UBND-TP ngày 10/6/2020 về việc triển khai Hệ dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2020 của Bộ Tư pháp. Đồng thời, khi tổ chức tập huấn, hướng dẫn các quy định pháp luật đề nghị thông tin cho Phòng để Phòng cung cấp nội dung cần triển khai cho cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm đảm bảo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường được phổ biến rộng rãi trên địa bàn quận.

Ngoài ra, Phòng Tài nguyên và Môi trường kiến nghị Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 10 chỉ đạo thông tin trên Trang thông tin điện tử Quận 10 để kịp thời cập nhật, phổ biến các quy định về bảo vệ môi trường.

Trên đây là ý kiến của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, kính chuyên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 10 và các đơn vị liên quan hỗ trợ thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Q.10 (PCT/QLĐT) (để báo cáo);
- Lưu: VT, MT. ptlanh

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Tấn Mỹ



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CẦN BIẾT TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ

(Đính kèm văn bản số 828/TNMT-MT ngày 21/8/2020 của
Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10)

I. Luật Tài nguyên nước năm 2012:

1. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
2. Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.
3. Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.
4. Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.
5. Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về việc quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014:

1. Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
2. Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu.
3. Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
4. Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường (đính kèm văn bản số 8458/UBND-TNMT ngày

31/7/2019 của Ủy ban nhân dân Quận 10 về việc triển khai Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

5. Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

6. Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

7. Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN MÔI TRƯỜNG

(Dành cho cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ)



I. Các nội dung cơ sở **phải thực hiện** trong suốt quá trình hoạt động:

1. **Thực hiện đúng và đầy đủ** các nội dung trong đánh giá tác động môi trường; cam kết bảo vệ môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường; đề án bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận. **LƯU Ý:** Các đối tượng **không thuộc danh mục** tại cột 5 Phụ lục II Mục I Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 hoặc phát sinh **nước thải dưới 20 m³/ngày** thì được **MIỄN** đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

2. Về **quản lý và xử lý chất thải:** đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp **không** làm phát sinh nước thải, khí thải, mùi hôi và tiếng ồn **vượt quy chuẩn môi trường** hiện hành, đảm bảo an ninh trật tự xung quanh khu vực hoạt động và các quy định pháp luật khác.

3. Có **hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt** với mức phí theo đúng quy định hiện hành và lưu trữ biên lai/hóa đơn thu tiền rác hàng tháng. **Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn** thành Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (phế liệu) và Chất thải còn lại. **Chịu trách nhiệm** về tình hình vệ sinh môi trường khu vực xung quanh; nếu để phát sinh tình trạng rác đồng, rác bịch khu vực gốc cây, miệng cống, vỉa hè mặt tiền nhà **sẽ bị xử phạt** theo Điểm c, d Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP (từ 3 triệu – 5 triệu hoặc 5 triệu – 7 triệu).

4. Thu gom, phân loại, lưu chứa, chuyển giao và thực hiện báo cáo **chất thải nguy hại** (bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải, hộp mực in thải, dung môi, hóa chất, sơn thải, giẻ lau dính dầu nhớt, bùn thải...) đúng theo quy định tại **Điều 5, 6, 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT** ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại. **Đăng ký sổ chủ nguồn** thải nguy hại (nếu thuộc đối tượng có phát sinh chất thải nguy hại khối lượng **trên 600 kg/năm**).

5. Phân loại, lưu chứa, chuyển giao và ký hợp đồng thu gom riêng **chất thải rắn công nghiệp thông thường** (như vải vụn, simili vụn, cao su, da vụn, mốp xốp, vụn gỗ...).

6. Quản lý **chất thải y tế** theo quy định tại **Thông tư liên tịch 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT** ngày 31/12/2015 (đối với cơ sở có phát sinh chất thải y tế).

7. **Nghiêm cấm sử dụng giếng** khai thác nước ngầm và tiến hành trám lấp giếng.

8. **Đăng ký xin phép xả thải** vào nguồn nước trong trường hợp xả nước thải với lưu lượng **trên 5 m³/ngày.đêm** (trừ đối tượng Khám chữa bệnh có phát sinh nước thải y tế buộc phải xin phép) gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 21 Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố để được cấp phép.

9. Thực hiện **Báo cáo công tác bảo vệ môi trường** định kỳ theo biểu mẫu quy định tại **Phụ lục VI Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT** ngày 31/12/2019 (lồng ghép chung báo cáo quản lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp, CTNH) tần suất **01 lần/năm**, hạn báo cáo **trước ngày 31/01** của năm tiếp theo.

II. Xử phạt trong lĩnh vực môi trường:

Theo Điểm e, Khoản 1, Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính “Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức (Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép kinh doanh) bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân (Hộ kinh doanh)”.

1. Căn cứ Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản, ví dụ:

- Phạt tiền từ **5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng** đối với hành vi không có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng trên 10 m³/ngày đêm đến dưới 30 m³/ngày đêm (Khoản 3, Điều 9).

- Phạt tiền từ **30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng** đối với hành vi không có giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng nước thải từ trên 5 m³/ngày đêm đến dưới 50 m³/ngày đêm (Điểm a, Khoản 1, Điều 20).

- Phạt tiền từ **5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng** đối với hành vi không thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động xả nước thải vào nguồn nước cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (Điểm 1, Khoản 1, Điều 21).

2. Căn cứ Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ví dụ:

- Phạt tiền từ **10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng** đối với hành vi xả chất thải không qua xử lý ra môi trường (Điểm c, Khoản 2, Điều 8).

- Phạt tiền từ **20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng** đối với hành vi không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định (Điểm d, Khoản 2, Điều 8).

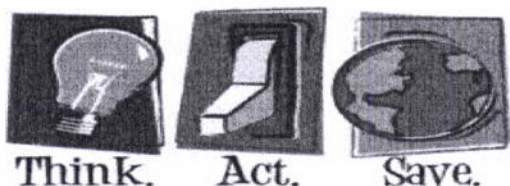
- Phạt tiền từ **30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng** hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m³/ngày (24 giờ) (Điểm a, Khoản 6, Điều 13).

- Phạt tiền từ **5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng** đối với hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt trên vỉa hè, đường phố hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị (Điểm d, Khoản 1, Điều 20).

- Phạt tiền từ **15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng** đối với hành vi không ký hợp đồng hoặc không chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (Khoản 4, Điều 20).

- Phạt tiền từ **5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng** đối với hành vi không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định (Điểm a, Khoản 1, Điều 21).

- Phạt tiền từ **10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng** đối hành vi không lưu trữ chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng (Điểm a, Khoản 2, Điều 21) hoặc không thu gom chất thải nguy hại theo quy định; để chất thải nguy hại ngoài trời gây ô nhiễm môi trường xung quanh (Điểm b, Khoản 2, Điều 21).



**PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
QUẬN 10 – Tổ Môi trường**

Số 01A Thành Thái, P14, Q10

(028) 22149997

tnmt.q10@tphcm.gov.vn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **8458** /UBND-TNMT

Quận 10, ngày 31 tháng 7 năm 2019

V/v triển khai Nghị định số
40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số
điều của các nghị định quy định
chi tiết, hướng dẫn thi hành
Luật Bảo vệ môi trường.

Kính gửi:

- Văn phòng HĐND và UBND Quận 10;
- Phòng Kinh tế Quận 10;
- Phòng Y tế Quận 10;
- Phòng Tư pháp;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân 15 phường.

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực từ ngày 01/7/2019.

Nhằm đảm bảo bám sát ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan, đặc biệt nhấn mạnh quan điểm “*không phát triển kinh tế bằng mọi giá; không đánh đổi môi trường lấy kinh tế*”, đổi mới phương thức quản lý môi trường “*từ bị động giải quyết sang chủ động phòng ngừa*”, do đó Nghị định 40/2019/NĐ-CP được xây dựng và hoàn thiện dựa trên tinh thần quán triệt trên với phạm vi sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định sau:

1. Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 18/2015/NĐ-CP);

2. Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 19/2015/NĐ-CP);

3. Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 38/2015/NĐ-CP);

4. Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Căn cứ tình hình quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường được áp dụng phù hợp với người dân và doanh nghiệp trên địa bàn Quận 10 thì một số quy

định cần chú ý và triển khai thực hiện, phổ biến liên quan đến 02 Nghị định là Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP (đính kèm một số quy định).

Theo đó Ủy ban nhân dân Quận 10 chỉ đạo một số nội dung như sau:

1. Nhằm đảm bảo cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn được tiếp cận, hiểu, biết và nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu Phòng Kinh tế, Phòng Y tế theo lĩnh vực quản lý, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường trong công tác hướng dẫn, phổ biến các quy định pháp luật mới về bảo vệ môi trường, như quy định các đối tượng phải thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường trước khi triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ,....

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 10 phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện thông tin trên Trang thông tin điện tử Quận 10 về các quy định bảo vệ môi trường để kịp thời cập nhật, phổ biến cho người dân được biết. Chỉ đạo Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện tiếp nhận hồ sơ kế hoạch bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân, tổ chức đang hoạt động trên địa bàn quận để chuyển giao cho đơn vị thụ lý giải quyết theo quy định.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân Quận 10 thực hiện các quy định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

4. Ủy ban nhân dân 15 phường chủ động nghiên cứu các quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, thực hiện các công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền. Đồng thời thường xuyên tổ chức tập huấn, phổ biến các quy định pháp luật mới về bảo vệ môi trường và hướng dẫn người dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quản lý chấp hành theo đúng quy định.

Đề nghị các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực từ ngày 01/7/2019 theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. HĐND (để báo cáo);
- UBND Q.10 (CT, PCT/QLĐT);
- Phòng TNMT Q.10 (02);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thu Nga

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10

**MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 40/2019/NĐ-CP
NGÀY 13/5/2019 CỦA CHÍNH PHỦ**

1. Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 18/2015/NĐ-CP: một số quy định về xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (KHBVMT) cho doanh nghiệp (Điều 18, 19, 22).

a) Đối tượng PHẢI thực hiện:

- Dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng công suất quy định tại cột 5 Phụ lục II Mục I Nghị định 40/2019/NĐ-CP

(ví dụ một số đối tượng phổ biến trên địa bàn Quận 10 phải thực hiện lập KHBVMT: siêu thị, trung tâm thương mại diện tích sàn từ 10.000 m² đến dưới 20.000 m²; cơ sở khám chữa bệnh và cơ sở y tế khác từ 20 đến dưới 100 giường bệnh; lưu trú du lịch từ 50 phòng đến dưới 200 phòng; khu dân cư từ 1.000 đến dưới 2.000 người hoặc từ 200 đến dưới 400 hộ).

- Dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án, phương án đầu tư mở rộng quy mô, nâng công suất các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, có phát sinh lượng nước thải từ 20 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 500 m³/ngày (24 giờ).

b) Đối tượng KHÔNG PHẢI thực hiện:

Trừ các đối tượng quy định phải thực hiện KHBVMT như trên và các đối tượng thuộc cột 3 Phụ lục II Mục I Nghị định 40/2019/NĐ-CP, các đối tượng còn lại được miễn thực hiện đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

Việc quản lý, xử lý chất thải và các nghĩa vụ khác về bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Thời gian thực hiện đăng ký KHBVMT:

Chỉ được triển khai thực hiện hoặc xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sau khi được cấp có thẩm quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

d) Thẩm quyền xác nhận KHBVMT:

- *Sở Tài nguyên và Môi trường:* dự án trên địa bàn 02 quận huyện trở lên; thuộc các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao quy định tại Phụ lục IIa Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; phát sinh lượng nước thải từ 50 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 500 m³/ngày (24 giờ).

- *Ủy ban nhân dân Quận 10:* các dự án phải lập KHBVMT còn lại.

Lưu ý: Hủy bỏ quy định ủy quyền cho Ủy ban nhân dân phường xác nhận KHBVMT.

c) Hồ sơ đăng ký KHBVMT:

- 01 văn bản đề nghị theo Mẫu số Phụ lục VII Mục I;
- 03 bản kế hoạch bảo vệ môi trường (kèm theo bản điện tử) của dự án, cơ sở theo Mẫu số 02 Phụ lục VII Mục I;
- 01 báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của dự án, cơ sở (kèm theo bản điện tử).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

d) Đối tượng phải đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường:

- Thay đổi địa điểm.
- Không triển khai thực hiện trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận.

e) Các dự án **đã triển khai** xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành và các dự án, cơ sở đã đi vào vận hành (bao gồm cả các dự án mở rộng quy mô, tăng công suất, thay đổi công nghệ của cơ sở đang hoạt động) mà **chưa có** quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc **xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường** hoặc các hồ sơ về môi trường tương đương, thì **bị xử phạt theo quy định** và phải thực hiện đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận theo quy định trong trường hợp dự án, cơ sở phù hợp về quy hoạch.

2. Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 38/2015/NĐ-CP:

a) Bổ sung Điều 16 trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH):

Chủ nguồn chất thải rắn sinh hoạt (trừ hộ gia đình, cá nhân) chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho Cơ sở tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý và xử lý có chức năng phù hợp hoặc Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng quy định tại Điều 18 Nghị định này; tổ chức thực hiện nhiệm vụ dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

b. Bổ sung Điều 18 trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển:

- Bảo đảm các phương tiện vận chuyển, thiết bị lưu giữ, điểm tập kết đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định tại điểm A và điểm B Phụ lục II Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bảo đảm thời gian thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không được quá 02 ngày.

- Chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho các đối tượng sau:

+ Chủ cơ sở tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt có chức năng phù hợp;

+ Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có hợp đồng với chủ cơ sở tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy định tại điểm a khoản này;

+ Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được chính quyền địa phương giao nhiệm vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để chuyển giao cho chủ xử lý theo quy định tại điểm a khoản này.

- Sử dụng biên bản bàn giao chất thải rắn sinh hoạt cho mỗi lần tiếp nhận quy định tại Phụ lục IV Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

- Báo cáo quản lý chất thải rắn sinh hoạt định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết 31 tháng 12) theo Mẫu số 01 Phụ lục V Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân Quận 10 trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

c) Bổ sung Điều 54a quy định về thực hiện quan trắc môi trường định kỳ của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Các cơ sở, dự án đã đi vào hoạt động, có quy mô công suất tương đương với đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường và có tổng khối lượng nước thải thải ra môi trường từ 20 m³/ngày (24 giờ) trở lên thực hiện quan trắc định kỳ với tần suất 06 tháng/lần (Điểm a Khoản 1 Điều 39 Nghị định này).

- Các đối tượng trên phải xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát. Việc lập kế hoạch căn cứ vào các nội dung sau:

+ Chương trình quan trắc và giám sát môi trường định kỳ trong kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận.

+ Các loại chất thải phát sinh theo từng nguồn, điểm xả thải; thành phần môi trường phải quan trắc; tần suất và thông số quan trắc môi trường định kỳ.